TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ C** **TỈNH CAO BẰNG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 03/2019/QĐST-DS	*Cao Bằng, ngày 16 tháng 01 năm 2019*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Khoản 3 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 của Chính phủ về án phí, lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 08 tháng 01 năm 2019 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: **10/2011/TLST-DS** ngày 03 tháng 3 năm 2011.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Nguyễn Thị B**

Nơi cư trú: Xóm K, xã Ch, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Đại diện theo ủy quyền: **Phương Thị B**

Nơi cư trú: Xóm K, xã Ch, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Nguyên đơn: **Luật sư Vương Bá H** – Văn phòng Luật sư Vương Bá H, Đoàn Luật sư tỉnh Cao Bằng

- *Bị đơn:* **Nông Văn C**

Nơi cư trú: Xóm K, xã Ch, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Bị đơn: **Luật sư Nguyễn Ngọc T** – Công ty Luật TNHH Ngọc T, Đoàn Luật sư Thành phố Hà Nội

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

1. **Đàm Thị T**

2. **Nông Thị Th**

3. **Nông Văn C**

4. **Nông Thị Ch**

- Đại diện theo ủy quyền của bà T, bà Th, ông C, bà Ch: **Ông Nông Văn C**

Nơi cư trú: Xóm K, xã Ch, thành phố C, tỉnh Cao Bằng

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về diện tích đất tranh chấp: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự về việc chia thửa đất tranh chấp là các thửa N có diện tích 1000m^2 và G có diện tích 350m^2 nằm trong Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 513018 do Ủy ban nhân dân huyện H, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 04/4/1994 mang tên Nông Văn M. Theo bản đồ địa chính đo đạc năm 2015 là các thửa số 33 và thửa số 39 tờ bản đồ số 24. Kết quả đo thực tế thửa đất tranh chấp có diện tích 205,9m^2 tại địa chỉ: Xóm K, xã Ch, thành phố C, tỉnh Cao Bằng.

+ Những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nông Văn Mui gồm:

1. Bà Đàm Thị T – Là vợ;

Các con đẻ của ông Nông Văn Mui gồm:

1. Anh Nông Văn C

2. Nông Thị Th

3. Nông Văn C

4. Nông Thị Ch

Ông Nông Văn M không có con nuôi hợp pháp.

Những người có tên trên sẽ được quyền quản lý và sử dụng phần đất có diện tích 134,0 m^2, phần đất có các hướng tiếp giáp:

Hướng Nam giáp đất bà Triệu Thị Đ;

Hướng Bắc giáp đất bà Nguyễn Thị B;

Hướng Tây giáp đất ông Phương Nguyễn Th;

Hướng Đông giáp đường Quốc lộ 4A.

+ Bà Nguyễn Thị B sẽ được quyền quản lý và sử dụng phần đất có diện tích là 171,9 m^2, phần đất có các hướng tiếp giáp:

Hướng Bắc giáp đất ông Bành Văn T;

Hướng Nam giáp phần đất những người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của ông Nông Văn M;

Hướng Tây giáp đất ông Phương Nguyễn Th;

Hướng Đông giáp đường Quốc lộ 4A.

(Kèm theo sơ đồ đo ngày 12/12/2018)

- Về tiền bồi thường giải phóng mặt bằng, án phí dân sự sơ thẩm, án phí dân sự phúc thẩm, chi phí tố tụng: Bà Nguyễn Thị B phải thanh toán cho những người kế thừa quyền và nghĩa vụ của ông Nông Văn M số tiền 6.300.000đ (*Sáu triệu ba trăm nghìn đồng*).

Ông Nông Văn C có trách nhiệm liên hệ với cơ quan chức năng để làm thủ tục điều chỉnh lại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số C 513018 do Ủy ban nhân dân huyện Hòa An, tỉnh Cao Bằng cấp ngày 04/4/1994 mang tên Nông Văn M.

Các đương sự có trách nhiệm thực hiện thủ tục đăng ký sang tên chuyển quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai chi nhánh thành phố C.

- Về án phí:

Bà Nguyễn Thị B phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để xung công quỹ nhà nước với số tiền là **17.500đ** (*Mười bảy nghìn năm trăm đồng*). Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm bà B đã nộp là 50.000đ theo biên lai Thu tiền tạm ứng án phí số 005077 ngày 25/4/2006 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận bà B đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm, bà B còn được hoàn lại số tiền là **32.500đ** (*Ba mươi hai nghìn năm trăm đồng*).

Ông Nông Văn C phải chịu án phí dân sự sơ thẩm để xung công quỹ nhà nước với số tiền là **17.500đ** (*Mười bảy nghìn năm trăm đồng*).

Ông Nông Văn C phải chịu án phí dân sự phúc thẩm để xung công quỹ nhà nước với số tiền là 50.000đ (*Năm mươi nghìn đồng*). Nay được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm ông C đã nộp là 50.000đ theo biên lai Thu tiền tạm ứng án phí số 00003693 ngày 26/6/2006 tại cơ quan Thi hành án dân sự huyện H, tỉnh Cao Bằng. Xác nhận ông C đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân TPCB;
- TAND Tỉnh Cao Bằng;
- Chi cục THADS H. Hòa An;
- VP đăng ký đất đai;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Nguyễn Thị Như